

# Biên cương nước Việt

*Trần Đại sỹ*

**T**ôi không phải là nhà sử học, cũng không phải là nhà khảo cổ, hay chủng tộc học. Tôi chỉ là một thầy thuốc. Nhưng những may mắn tiếp diễn đến trong suốt cuộc đời, vô tình đã đưa tôi đến đây trình bày cùng quý bạn về nguồn gốc tộc Việt của tôi. (1) Ở cuối giảng đường này, tôi thấy có mấy bạn trẻ bật cười. Tôi biết bạn bật cười vì đa số người ta đều than đời toàn bất hạnh, toàn rủi ro. Còn tôi, tôi lại nói rằng suốt cuộc đời toàn may mắn. Tôi có thể nói thực với các bạn rằng, về phương diện nghiên cứu học hành, suốt đời tôi, tôi có cảm tưởng như tổ tiên trải thảm cho tôi đi trên con đường vô tận đầy hoa. Nếu bạn chịu khó đọc bộ "Sexologie médicale chinoise" của tôi, phần bài tựa tôi đã viết: "...Trong lịch sử cổ kim nhân loại, nếu có người may mắn nhất về phương diện nghiên cứu học hành, tôi đứng đầu. Nhưng nếu có người bất hạnh nhất trong tình trường, tôi cũng đứng đầu".

Hôm nay đây tôi trình bày với các bạn về công cuộc đi tìm nguồn gốc tộc Việt, các bạn sẽ thấy tôi may mắn biết là đường nào, và các bạn sẽ thấy tộc Việt chúng tôi anh hùng biết bao, nhưng gần đây bị những người Maxisme, Léninisme lợi dụng, làm cho đất nước tôi bị phá sản.

## A. Sơ tâm về tộc Việt

Tôi học chữ Nho trước khi học chữ Quốc-ngữ. Thầy khai tâm của tôi là ông ngoại tôi. Ông tôi không có con trai, mẹ tôi là con út của người. Theo luật triều Nguyễn, thì con trai ông tôi sẽ được "tập âm". Không có con trai, thì con nuôi được thay thế. Tôi là "con nuôi" của ông tôi, nên người dạy tôi học để nối dòng Nho-gia. Tôi cũng được "tập âm", thụ sắc phong của Đại-Nam Hoàng đế.

Năm lên sáu tuổi, tôi được học tại trường tiểu học do chính phủ Pháp mở tại Việt Nam. Cũng năm đó, tôi được học chữ Nho. Thời gian 1943-1944 rất ít gia đình Việt-Nam còn cho con học chữ Nho, bởi đạo Nho cũng như nền cổ học không còn chỗ đứng trong đời sống kinh tế, chính trị nữa. Thú thực tôi cũng không thích học chữ Nho bằng chơi bi, đánh đáo. Nhưng vì muốn làm vui lòng ông tôi mà tôi học. Các bạn hiện diện nơi đây không ít thì nhiều cũng đã học chữ Nho đều biết rằng chữ này học khó như thế nào. Nhưng tôi chỉ mất có ba tháng đã thuộc lòng bộ Tam tự kinh, rồi sáu tháng sau tôi được học sử.

Tôi được học Nam-sử bằng chữ Nho, đồng thời với những bài sử khai tâm bằng quốc ngữ vào năm bảy tuổi. Thời điểm bấy giờ bắt đầu có những bộ sử viết bằng Quốc-ngữ, rất giản lược, để dạy học sinh, không bằng một phần trăm những gì ông tôi dạy tôi. Thầy giáo (ở trường) biết tôi là cái kho vô tận về sử Hoa-Việt, nên thường bảo tôi kể cho các bạn đồng lớp nghe về anh hùng nước tôi. Chính vì vậy, tôi phải lần mò đọc những bộ sử lớn viết bằng chữ Hán như "Đại-Việt sử ký", "Khâm định Việt sử thông giám cương mục", "An-Nam chí lược", "Việt sử lược"... Đại cương, mỗi bộ sử đều chép rất giản lược về nguồn gốc dân tộc Việt-Nam như sau:

"Vua Đế Minh, cháu ba đời vua Thần-Nông, nhân đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ-lĩnh, kết hôn với một nàng tiên đẻ ra người con tên Lộc-Tục. Vua lập đài, tế cáo trời đất, phong cho con trưởng làm vua phương Bắc, tức vua Đế Nghi; phong con thứ là Lộc-Tục làm vua phương Nam. Ngài dạy hai thái tử rằng: Nghi làm vua phương Bắc, Tục làm vua phương Nam, lấy núi Ngũ-lĩnh làm cương giới. Hai người làm vua hai nước nhưng vốn cùng gốc ở ta, phải lấy điều hiếu hòa mà ở với nhau. Tuyệt đôi Nam không xâm Bắc, Bắc chẳng chiếm Nam. Kẻ nào trái lời, sẽ bị tuyệt tử tuyệt tôn".

Xét triều đại Thần-Nông, khởi từ năm 3118 trước Tây-lịch, đến đây thì chia làm hai:

### 1. Triều Đại Thần-Nông Bắc:

- Vua Đê Nghi (2889-2884 trước Tây-lịch)
- Vua Đê Lai (2843-2794 trước Tây-lịch)
- Vua Đê Lai (2843-2794 trước Tây-lịch)
- Vua Ly (2795-2751 trước Tây-lịch)
- Vua Du Vông (2752-2696 trước Tây-lịch)

Đến đây triều đại Thần-Nông Bắc chấm dứt, đổi sang triều đại Hoàng Đế từ năm Giáp-Tý (2697 trước Tây-lịch). Các nhà chép sử Trung-quốc lấy thời đại Hoàng Đế làm kỷ nguyên. Trong bộ Sử-ký, Tư-mã-thiên khởi chép quyển một là Ngũ đế bản kỷ, coi Hoàng Đế là Quốc-tổ Trung-quốc.

### 2. Triều Đại Thần-Nông Nam :

Thái-tử Lộc-Tục lên làm vua năm Nhâm-Tuất (2879 trước Tây-lịch), hiệu là Kinh-Đương, lúc mười tuổi. Sau này người Việt lấy năm này làm kỷ nguyên lập quốc. Nếu cộng chung, cho đến nay là 4872 năm, vì vậy người Việt hằng tự hào rằng đã có năm nghìn năm văn-hiến.

Xét về cương giới, cổ sử chép:

"Thái-tử Lộc-Tục lên ngôi, lấy hiệu là vua Kinh-Đương (2), tên nước là Xích-quý, đóng đô ở Phong-châu nay thuộc Sơn-tây. Vua Kinh-Đương lấy con gái vua Động-đỉnh là Long-nữ đẻ ra thái tử Sùng-Lãm. Thái tử Sùng-Lãm lại kết hôn với công chúa Âu-Cơ con vua Đê-Lai (3). Khi vua Kinh-Đương băng hà thái tử Sùng-Lãm lên nối ngôi vua tức vua Lạc-Long, đổi tên nước là Văn-lang. Nước Văn-lang Bắc tới hồ Động-đỉnh, Nam giáp nước Hồ-tôn, Tây giáp Ba-thục, Đông giáp biển Đông-hải".

Cổ sử đến đây, không có gì đáng nghi ngờ. Nhưng tiếp theo, lại chép:

"Vua Lạc-Long lấy công chúa Âu-Cơ sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra trăm con. Ngài truyền cho các hoàng tử đi bốn phương lập ấp, tổ chức cai trị, giáo hóa dân chúng. Mỗi vị lập một ấp, sau trở thành lạc-hầu, theo lối cha truyền con nối.

- Hoàng tử thứ nhất tới thứ 10 lập ra vùng hồ Động đĩnh.
- Hoàng tử thứ 11 tới thứ 20 lập ra vùng Tượng-quận.
- Hoàng tử thứ 21 tới thứ 30 lập ra vùng Chân-lạp.
- Hoàng tử thứ 31 tới thứ 40 lập ra vùng Chiêm-thành
- Hoàng tử thứ 41 tới thứ 50 lập ra vùng Lão-qua.
- Hoàng tử thứ 51 tới thứ 60 lập ra vùng Nam-hải.
- Hoàng tử thứ 61 tới thứ 70 lập ra vùng Quế-lâm.
- Hoàng tử thứ 71 tới thứ 80 lập ra vùng Nhật-nam.
- Hoàng tử thứ 81 tới thứ 90 lập ra vùng Cửu-chân.
- Hoàng tử thứ 91 tới thứ 100 lập ra vùng Giao-chỉ.

Ngài hẹn rằng: Mỗi năm các hoàng tử phải về cánh đồng Tương vào ngày Tết để châu-hầu phụ mẫu".

Một truyền thuyết khác lại nói:

Vua Lạc-Long nói với Âu-Cơ rằng: "Ta là loài rồng, nàng là loài tiên, ở với nhau lâu không được. Nay ta đem năm mươi con xuống nước, nàng đem năm mươi con lên rừng. Mỗi năm gặp nhau tại cánh đồng Tương một lần".

Các sử gia Việt tuy lấy năm vua Kinh-Đương lên làm vua là năm Nhâm-Tuất 2879 trước Tây-lịch, nhưng không tôn vua Kinh-Đương với công chúa con vua Động-đỉnh làm Quốc-tổ, Quốc-mẫu, mà lại tôn vua Lạc-Long làm quốc tổ, và công chúa Âu-Cơ làm quốc mẫu. Cho đến nay, nếu các bạn hỏi trăm người Việt ở hải ngoại rằng tổ là ai, họ đều tự hào: Chúng tôi là con rồng cháu tiên, Quốc-tổ tên Lạc-Long, Quốc-mẫu tên Âu-Cơ. Nhưng nếu các bạn hỏi người Việt Cộng-sản, họ sẽ nói rằng tổ tiên họ là loài khỉ.

Không phải sử gia Hoa-Việt cho rằng các vua Phục-Hy, Thần-Nông thuộc huyền sử, hay không hẳn là tổ mình, mà cho rằng triều Phục-Hy, Thần-Nông là tổ về huyết tộc, mà không phải là tổ chính trị. Bởi tại phương Bắc từ khi Hoàng Đế lên ngôi vua, tại phương Nam Lạc-Long lên ngôi vua, mới phân hẳn ra Việt, Hoa hai nước rõ ràng.

### B. Chủ Đạo Tộc Hoa, Tộc Việt :

Như các bạn đã thấy, mỗi dân tộc đều có một chủ đạo, cùng một biểu hiệu. Người Pháp các bạn cho rằng tổ tiên là người Gaulois, con vật tượng trưng là con gà trống. Người Anh lấy biểu hiệu là con sư tử. Người Hoa-kỳ lấy biểu hiệu là con chim ưng. Người Trung-hoa lấy biểu hiệu là con rồng. Người Việt lấy biểu hiệu là con rồng và chim âu, gốc tự huyền sử vua Lạc Long là loài rồng, công chúa Âu-Cơ là loài chim.

Người Do-Thái tự tin rằng họ là giống dân linh, được Chúa chọn. Vì vậy, sau hai nghìn năm mất nước, họ vẫn không bị đồng hóa. Khi tái lập quốc, với dân số bằng một phần trăm khối A-rập, nhưng họ vẫn đủ khả năng chống với bao cuộc tấn công để tồn tại. Đó là nhờ niềm tin họ thuộc sắc dân được Chúa chọn.

Người Hoa thì tin rằng họ là con trời. Cho nên trong các sách cổ của họ vua được gọi là Thiên-tử, còn các quan thì luôn là người nhà trời xuống thế phò tá cho vua. Chính niềm tin đó cùng với văn-minh Hoa-hạ, văn minh Nho-giáo đã kết thành chủ đạo của họ. Cho nên người Hoa dù ở đâu, họ cũng có một tổ chức xã hội riêng, sống với nhau trong niềm kiêu hãnh con trời. Cho dù họ lưu vong đến nghìn năm, họ cũng không bị đồng hóa, không quên nguồn gốc. Cũng chính vì vậy, mà từ một tộc Hoa nhỏ bé ở lưu vực sông Hoàng-hà, họ đánh chiếm, đồng hóa hàng nghìn nước xung quanh. Nhưng chủ đạo, và sức mạnh của họ phải ngừng lại ở biên giới Hoa-Việt ngày nay.

Từ nguồn gốc lập quốc, từ niềm tin mình là con của Rồng, cháu của tiên, cho nên người Việt có một sức bảo vệ quốc gia cực mạnh. Tộc Việt đã chiến đấu không ngừng để chống lại cuộc Nam tiến liên miên trong hai nghìn năm của tộc Hoa. Bất cứ thời nào, người Việt dù bị phân hóa đến đâu, nhưng khi bị Bắc xâm, lập tức họ ngời lại với nhau để bảo vệ quốc gia. Trong những lớp phế hưng của lịch sử Việt, hễ ai dựa theo chủ đạo của tộc Việt, đều thành công trong việc giữ được quyền cai trị dân. Gần đây nhất, người Cộng-sản rõ ràng chối bỏ tổ tiên, chối bỏ mấy nghìn năm anh hùng của tộc Việt, nhưng bề ngoài họ mặc cái áo yêu nước, họ đem chủ đạo tộc Việt ra để sách động toàn dân theo họ, và họ chiếm được chính quyền.

Cũng tiếc thay, những người cầm quyền miền Nam, không biết lợi dụng cái thế phi dân tộc của người Cộng-sản để chỉ cho toàn dân biết rõ thì chớ, mà đến chủ đạo của tộc Việt họ cũng không biết đến, họ mặc nhiên để dân chúng bị lừa dối, và chính họ bị đối phương dùng cái xảo trá, huy động toàn dân đánh bại.

Nhưng sau khi chiếm được chính quyền, người Cộng-sản hiện nguyên hình là những người Mác-xít, lập tức bị toàn dân chống lại. Nói thực ra, hiện hầu hết những cán bộ cao cấp nhất của Cộng-sản Việt-Nam cũng đang quay đầu nhìn về lịch sử, tìm lại di sản chủ đạo tộc Việt. Nhưng chỉ vì sợ bỏ cơ chế Cộng-sản họ sẽ trở thành Ceausescu của Rumania, Honecker của Đức. Các bạn yên trí đi, chỉ trong vòng một hay hai năm nữa, người Việt lại trở về với chủ đạo của họ như cũ.

### **C. Đi Tìm Lại Nguồn Gốc Tộc Việt :**

Năm trước, đồng nghiệp của tôi đã giảng cho các bạn sinh viên hiện diện các giả thuyết về nguồn gốc dân tộc Việt-Nam, bao gồm:

- Thuyết của Giáo sư Léonard Arousseau, về cuộc di cư của người U-Việt hay Ngô-Việt sang Âu-lạc.

-Thuyết của Claude Madroll về cuộc di cư của người Mân-Việt sang Âu-lạc.

- Thuyết của học giả Đào Duy-Anh, Hồ-Hữu-Tường, về sự di cư do thời tiết của người Việt từ Bắc xuống Nam.

- Thuyết của Trần Đại-Sỹ theo khoa khảo cổ, bằng hệ thống y-khoa ADN.

Cuối cùng các giáo sư đồng nghiệp đã nhận định rằng: Nhờ vào khoa khảo cổ, nhờ vào hệ thống khoa học, từ nay không còn những giả thuyết về nguồn gốc tộc Việt nữa, mà chỉ còn lại công cuộc tìm kiếm của tôi, rồi kết luận:

"Tộc Việt bao gồm trăm giống Việt sống rải rác từ phía Nam sông Trường-giang: Đông tới biển, Tây tới Tứ-xuyên, Nam tới vịnh Thái-lan. Người Việt từ Ngô-Việt di cư xuống phương Nam. Người Mân-Việt di cư xuống Giao-chi. Người Việt di cư từ Nam sông Trường-giang tránh lạnh xuống Bắc-Việt đều đúng. Đó là những cuộc di cư của tộc Việt trong lãnh thổ của họ, chứ không phải họ là tộc khác di cư tới đất Việt".

Chính vì lý do đó, tôi được mời đến đây đọc bài diễn văn khai mạc niên khóa 1992-1993 này. Sau đây, tôi trình bày sơ lược về công trình nghiên cứu đó. Tôi xin nhắc lại, tôi chỉ là một bác sĩ y khoa, cho nên những nghiên cứu của tôi đặt trên lý luận

khoa học thực nghiệm, cùng lý luận y khoa, nó hơi khác với những gì mà các bạn đã học.

### Phương Pháp Nghiên Cứu :

Trong việc đi tìm nguồn gốc tộc Việt, tôi đã dùng phương pháp y khoa nhiều nhất, và phương pháp khoa học mới đây. Tôi đã được giáo sư Tarentino về khoa Anatomie của Ý và giáo sư Vareilla Pascale của Pháp tích cực giúp đỡ.

### 1. Dùng Biện Chứng Y Khoa vào Khoa Cổ:

Biện chứng căn bản của người nghiên cứu y khoa là: "Khi có chứng trạng, ắt có nguyên do".

Biện chứng này đã giúp tôi rất nhiều trong khi nghiên cứu về nguồn gốc tộc Việt. Khi nghiên cứu, những tài liệu cổ, dù là huyền thoại, dù là huyền sử, dù là triết học, tôi cũng coi là chất liệu quan trọng. Như tôi đã từng trình bày, nước tôi có một tôn giáo, mà toàn dân đều theo, đó là thờ các anh hùng dân tộc. Tại những đền thờ chư vị anh hùng, thường có một cuốn phổ kể sự tích các ngài. Vì theo thời gian, tiểu sử các ngài bị dân chúng huyền thoại hóa đi, riết rồi thành hoang đường. Cho nên những học giả đi tiên phong nghiên cứu về sử học Việt thường bỏ qua. Tôi lại suy nghĩ khác: "Không có nguyên do, sao có chứng trạng". Vì vậy tôi đã tìm ra rất nhiều điều lý thú.

Tỷ dụ: Bất cứ một nhà nghiên cứu nào, khi khảo về thời vua An Dương cũng cho rằng truyện thần Kim-Quy cho vua móng, làm nổ bắn một lúc hàng nghìn mũi tên khiến Triệu Đà bị bại, là hoang đường, là "ma trâu đầu rắn". Nhưng tôi lại tin, và cuối cùng tôi đã tìm ra sự thực: Hồi ấy Cao-cảnh hầu Cao-Nỗ đã chế ra nỏ liên châu, như súng liên thanh ngày nay. Tôi cũng tìm ra kích thước ba loại mũi tên đồng của nỏ này. (4)

Với lý luận y khoa, với anatomie, với lý thuyết y học mới về tế bào, với những khai quật của người Pháp ở Đông Dương, của Việt-Nam, của Trung-quốc cùng hệ thống máy móc tối tân đã giúp tôi phân loại xương sọ, xương ống quyển, cùng biện biệt y phục của tộc Hoa, tộc Việt, rồi đi đến kết luận về lãnh thổ nước Văn-lang tới hồ Động Đình.

### 2. Những Tài Liệu Cổ:

Ranh giới phía Nam của nước Văn-lang tới nước Hồ-tôn đã quá rõ ràng. Còn ranh giới phía Tây với Ba-thục, phía Đông với biển lại tùy thuộc vào ranh giới phía Bắc. Nếu như ranh giới phía Bắc quả tới hồ Động-đình, thì ranh giới phía Tây chắc phải giáp Ba-thục và phía Đông phải giáp Đông-hải.

Vì vậy tôi đi tìm ranh giới phía Bắc.

Dưới đây là huyền thoại, huyền sử, mà tôi đã bầu víu vào để đi nghiên cứu.

- Cổ sử Việt đều nói rằng ranh giới phía Bắc tới hồ Động-đình.

- Truyền thuyết nói: Đế-Minh lập đàn tế cáo trời đất, rồi chia thiên hạ làm hai. Từ Ngũ-lĩnh về Bắc cho Đế-Nghi, sau thành Trung-quốc. Từ Ngũ-lĩnh về Nam truyền cho vua Kinh Dương sau thành nước Văn-lang.

- Truyền thuyết nói: Sau khi vua Kinh Dương, vua Lạc-Long kết hôn, đều lên núi Tam-sơn trên hồ Động-đình hưởng thanh phúc ba năm. Lúc ngài lên núi, có chín vạn hoa tâm xuân nở.

- Truyền sử nói: Sau khi Quốc-tổ Lạc-Long, Quốc-mẫu Âu-Cơ cho các hoàng tử đi bốn phương qui dân lập ấp, dặn rằng: Mỗi năm về Tương-đài trên cánh đồng Tương châu Quốc-tổ, Quốc-mẫu một lần.

- Cổ sử nói: Quốc-tổ dẫn năm mươi con xuống biển, Quốc-mẫu dẫn năm mươi con lên núi, hẹn mỗi năm gặp nhau một lần ở cánh đồng Tương.

- Sử nói: Vua nước Nam-Việt là Triệu-Đà thường đem quân quấy nhiễu biên giới Việt-Hán là Nam -quận, Trường-sa (Mậu-Ngọ, 183 trước Tây-lịch). Như vậy biên giới Nam-Việt với Hán ở vùng này.

- Sử nói rằng: Khi Trưng-Nhi, Trần-Năng, Phật-Nguyệt, Lại-thế-Cường đem quân đánh Trường-sa (năm 39 sau Tây-lịch) thì nữ tướng Trần-thiếu-Lan tử trận, mộ chôn ở ghềnh Thẩm-giang. (Sự thực đó là Tương-giang thông với hồ Động-đình). Sau đó ít năm có trận đánh giữa Lĩnh-Nam với Hán. Tướng Lĩnh-Nam tổng trấn hồ Động đình là Phật-Nguyệt. Tướng Hán là Mã-Viện, Lưu-Long (năm 40 sau Tây-lịch). Nhưng các sử gia gần đây đều đặt nghi vấn rằng: Làm gì biên giới thời Văn-

lang rộng như vậy, nếu có chỉ ở vào phía Bắc biên giới Hoa-Việt hiện nay trăm cây số là cùng. Tôi căn cứ vào những chứng trạng trên để tìm nguồn gốc.

#### **D. Đi Tìm Biên Giới Nước Văn Lang:**

##### **1. Núi Ngũ-Lĩnh:**

Cuối năm Canh-Thân (1980) tôi lấy máy bay đi Bắc-kinh, rồi đổi máy bay ở Bắc-kinh đi Trường-sa.

Trường-sa là thủ-phủ của tỉnh Hồ-Nam. Tất cả di tích của tộc Việt như hồ Động-đình, núi Tam-sơn, núi Ngũ-lĩnh, sông Tương, Thiên-đài, Tương-đài, cánh đồng Tương đều nằm ở tỉnh này.

Tôi đi nghiên cứu với một thư giới thiệu của giới chức cao cấp y học. Không biết trong thư giới thiệu, các giới chức y-khoa Trung-quốc ghi chú thế nào, mà khi tôi tiếp xúc với sở du-lịch, ty văn-hóa địa phương, họ đều tưởng tôi tới Trường-sa để nghiên cứu về sự cấu tạo hình thể cùng bệnh tật dân chúng tại đây. Thành ra tôi bị mất khá nhiều thời giờ nghe thuyết trình của các đồng nghiệp về vấn đề này. Tôi cư ngụ trong khách sạn Trường-sa tân điểm, năm trăn đại lộ Nhân-dân. Tôi xin cuốn địa phương chí mới nhất của tỉnh, rồi mò vào thư viện ty văn hóa, sở bảo vệ cổ tích, đại học văn-khoa, lục lợi những tài liệu cổ, mà ngay những sinh viên văn khoa cũng ít ai ghé mắt tới.

Đầu tiên tôi đi tìm núi Ngũ-lĩnh. Không khó nhọc, tôi thấy ngay. Đó là năm dãy núi gần như ngăn đôi Nam, Bắc Trung-quốc.

- Một là Đại-Đữu lĩnh,
- Hai là Quế-đương, Kỳ-điền lĩnh.
- Ba là Cửu-chân, Đô-lung lĩnh.
- Bốn là Lâm-gia, Minh-chữ lĩnh.
- Năm là Thủy-an, Việt-thành lĩnh.

Về vị trí:

- Ngọn Thủy-an, Việt-thành chạy từ tỉnh Phúc-kiến, đến huyện Tuần-mai tỉnh Quảng-Đông.
- Ngọn Đại-đữu chạy từ huyện Đại-đữu (nam-an), tỉnh Giang-Tây đến huyện Nam-hùng tỉnh Quảng-Đông.
- Ngọn Lâm-gia, Minh-chữ chạy từ Lâm-huyện tỉnh Hồ-Nam đến Liên-huyện tỉnh Quảng Đông.
- Ngọn Cửu-chân, Đô-lung chạy từ Đạo-huyện tỉnh Hồ-Nam tới Gia-huyện tỉnh Quảng-Tây.
- Ngọn Quế-đương từ Toàn-huyện tỉnh Hồ-Nam tới huyện Quế-lâm tỉnh Quảng-Tây.

Lập tức tôi thuê xe, đi một vòng thăm tất cả các núi này. Tôi đi mất mười ngày, gần 1500 cây số. Như vậy là Ngũ-lĩnh có thực, nay có núi đã đổi tên, có núi vẫn giữ tên cũ. Một câu hỏi đặt ra: Tại sao khi vua Minh phân chia từ Ngũ-lĩnh về Nam thuộc Lộc-Tục, mà lĩnh địa Việt tới hồ Động đình, mà hồ ở phía Bắc núi đến mấy trăm cây số. Tôi giải đoán như thế này:

- Một là vua Đế Minh tế trời trên núi Ngũ-lĩnh là nơi ngài gặp tiên, rồi chia địa giới. Nhưng bấy giờ dân chưa đông, mà sông Trường-giang rộng mênh mông, sóng lớn quanh năm, nên vua Nghi chỉ giữ tới Bắc-ngạn mà thôi. Còn vua Kinh-Đương thì sinh trưởng ở vùng này, lại nữa lấy con vua Động-đình (một tiểu quốc), nên thừa kế luôn vùng đất của nhạc gia.

- Hai là dân chúng Nam-ngạn Trường-giang với vùng Nam Ngũ-lĩnh vốn cùng một khí hậu, phong tục, nên họ theo về Nam, không theo về Bắc, thành thử hồ Động-đình mới thuộc lĩnh địa Việt.

Kết luận: Quả có núi Ngũ-lĩnh phân chia Nam, Bắc Trung-quốc hiện thời, vậy có thể núi này đúng là nơi phân chia lãnh thổ Văn-lang và Trung-quốc khi xưa. Ánh sáng đã soi vào nghi vấn huyền thoại.

##### **2. Thiên Đài: Nơi Tế Cáo Của Vua Đế Minh:**

Tương truyền vua Đế-Minh lập đàn tế cáo trời đất trên núi Quế-đương, phân chia lãnh thổ Lĩnh- Bắc tức Trung-quốc, Lĩnh-Nam tức Đại-Việt. Đàn tế đó gọi là Thiên-đài. Nhưng dãy núi Quế-đương có mấy chục ngọn núi nhỏ, không biết ngọn Thiên-đài là ngọn nào, trên bản đồ không ghi. Sau tôi hỏi thăm dân chúng thì họ chỉ cho tôi thấy núi Thiên-đài nằm gần bên bờ Tương-giang.

Thiên-đài là ngọn đồi nhỏ, cao 179 mét, đỉnh tròn, có đường thoai thoải đi lên. Trên đỉnh có ngôi chùa nhỏ, nay đổ hoang. Tuy chùa được cấp huyện bảo tồn, nhưng không có tầng ni trụ trì. Chùa xây bằng gạch nung, mái lợp ngói. Lâu ngày chùa không được tu bổ, nên trên mái nhiều chỗ bị vỡ, bị khuyết. Tường mất hết vữa, gạch bị mòn, nhiều chỗ gần như lũng sâu. Duy nền với cổng bằng đá là còn nguyên, tuy nhiều chỗ đá bị bong ra. Bên trong, cột, kèo bằng gỗ đã nứt nẻ khá nhiều.

Tại thư viện Hồ-Nam, tôi đã tìm được một tài liệu rất cũ, giấy hoen ố, nhưng chữ viết tay như phượng múa rồng bay, gồm 60 trang. Đầu đề ghi:

"Thiên Đài Di Sự Lục"

Trinh-quán tiến-sĩ Chu-minh-Văn soạn.

Trinh-quán là niên hiệu của vua Đường Thái-tông từ năm Đinh-Hợi (627) đến Đinh-Mùi (647), nhưng không biết Chu đỗ tiến sĩ năm nào?

Tuy sách do Chu-minh-Văn soạn, nhưng dường như bản nguyên thủy không còn. Bản này là do người sau sao chép lại vào đời Thanh Khang-Hy. Nội dung sách có ba phần: Phần của Chu-minh-Văn soạn, phần chép tiếp theo Chu-minh-Văn của một sử ni pháp danh Đàm-Chi, không rõ chép vào bao giờ. Phần thứ ba chép pháp danh các vị trụ trì từ khi lập chùa tới thời Khang-Hy (1662-1722). Chu-minh-Văn là tiến sĩ đời Đường, nên văn của ông thuộc loại văn cổ rất súc tích, đây những điển cố, cùng thành ngữ lấy trong Tứ-thư, Ngũ-kinh cùng kinh Phật. (Nhân viên quản thủ thư viện thấy tôi đọc dễ dàng, chỉ lướt qua là hiểu ngay, ông ta ngạc nhiên khâm phục vô cùng. Nhưng nếu ông biết rằng tôi chỉ được học những loại văn đó từ hồi sáu bảy tuổi, thì ông sẽ hết phục!) Tài liệu Chu-minh-Văn cũng nhắc lại việc vua Đế Minh đi tuần thú phương Nam, kết hôn với nàng tiên, sinh ra Lộc-Tục. Vua lập đàn tại núi này tế cáo trời đất, vì vậy đài mang tên Thiên-đài, núi cũng mang tên Thiên-đài-sơn. Minh-Văn còn kể thêm: Cổ thời, trên đỉnh núi chỉ có Thiên-đài thờ vua Đế-Minh, vua Kinh-Đương. Đến thời Đông Hán, một tướng của vua Bà tên Đào-hiến-Hiệu được lệnh rút khỏi Trường-sa. Khi rút tới Quế-đương, ông cùng nghìn quân lên Thiên-đài lễ, nghe người giữ đền kể sự tích xưa. Ông cùng quân sĩ nhất quyết tử chiến, khiến Lưu Long thiệt mấy vạn người mới chiếm được núi. Về đời Đường, để xóa vết tích Việt, Hoa cùng Nam, Bắc, các quan lại được sai sang đô hộ Lĩnh-Nam mới cho xây ngôi chùa tại đây.

Tôi biết vua Bà là vua Trưng. Còn tướng Đào-hiến-Hiệu là em con chú của Bắc-bình vương Đào-Kỳ, tước phong quốc công, giữ chức Hồ-nha đại tướng quân. Bà Hoàng-thiều-Hoa chỉ huy trận rút lui khỏi khu Trường-sa, hồ Động đình, đã sai Hiễn-Hiệu đi cản hậu, đóng nút chặn ở Thiên đài, đợi khi quân Lĩnh-Nam rút hết, sẽ rút sau. Nhưng Hiễn-Hiệu cùng chư quân lên núi thấy di tích thơ thời Quốc-tổ, Quốc-mẫu, đã không chịu lui quân, tử chiến, khiến quân Hán chết không biết bao nhiêu mà kể tại đây.

Ngoài cổng chùa có hai đôi câu đối:

*Thoát thân Nam thành xưng sư tổ,  
Thọ pháp Tây-thiên điển Phật-kinh."*

(Hai câu này ngụ ý ca tụng thái tử Tất-đạt-Đa đang đem ra khỏi thành đi tìm lẽ giải thoát, sau đó đắc pháp ở Tây-thiên, đi giảng kinh.)

*Tam bảo linh ứng phong điều vũ thuận,  
Phật công hiển hách quốc thái dân an.*

(Hai câu này ngụ ý nói: Tam bảo linh thiêng, khiến cho gió hòa mưa thuận, đó là công lao của nhà Phật khiến quốc thái dân an.)

Nơi có dấu vết Thiên đài, còn đôi câu đối khắc vào đá:

*Thiên-đài đại đại phân Nam, Bắc,  
Lĩnh-địa niên niên dữ Việt thường."*

(Nghĩa là: Từ sau vụ tế cáo ở đây, đài thành Thiên-đài, biết bao thời, phân ra Nam, Bắc. Núi Ngũ-linh năm này qua năm khác với dòng giống Việt-thường.)

Chỗ miếu thờ Đào-hiến-Hiệu có đôi câu đối:

*Nhất kiếm Nam hồ, kinh Vũ Đế,  
Thiên đao Bắc lĩnh, trấn Lưu-Long."*

(Nghĩa là: Một kiếm đánh trận ở phía Nam hồ Động-đình làm kinh tâm vua Quang-Vũ nhà Hán, một nghìn đao thủ ở bắc núi Ngũ-linh trấn Lưu-Long.)

**Kết luận:** Như vậy việc vua Đế-Minh tế cáo trời đất là có thực. Vì có Thiên-đài, nên thời Lĩnh-Nam mới có trận đánh hồ Động-đình. Hai sự kiện đó chứng tỏ lĩnh địa Văn-lang xưa quả tới núi Ngũ-lĩnh, hồ Động-đình.

### **3. Cánh Đông Tương:**

Có hai huyền sử nói về cánh đông Tương:

- Một là Quốc-tổ dẫn năm mươi con xuống biển. Quốc-mẫu dẫn năm mươi con lên núi, mỗi năm tái hội nhau trên cánh đông Tương một lần.

- Hai là Quốc-tổ, Quốc-mẫu truyền các hoàng tử đi bốn phương qui dân lập ấp, mỗi năm hội tại cánh đông Tương một lần.

Tôi đoán: Cả hai vị quốc tổ Kinh-Đương, Lạc Long sau khi kết hôn, đều đem Quốc-mẫu lên núi Tam-sơn trên hồ Động-đình hưởng thanh phúc ba năm. Vậy thì cánh đông Tương sẽ gần đâu đó quanh hồ Động-đình.

Phía Nam hồ Động-đình là sông Tương-giang, chảy theo hướng Nam-Bắc dài 811 cây số, lưu vực tới 92,500 cây số vuông, chế đôi tỉnh Hồ-nam với Quảng-Tây. Vậy cánh đông Tương sẽ nằm trong lưu vực Tương-giang.

Tôi thuê thuyền đi từ cảng Dương-lâm nơi phát xuất ra Tương-giang là hồ Động-đình, xuống Nam, qua Tương-âm tôi dừng lại, nghiên cứu địa thế cùng thăm chùa Bạch-mã. Đây là địa phận quận Ích-đương. Vô tình tôi tìm ra một nhánh sông Âu-giang và một cái hồ rất lớn, vào mùa nước lớn rộng tới 4-5 mẫu, vào mùa nước cạn chỉ còn 2-3 mẫu mà thôi. Suốt lộ trình từ hồ Động-đình trở xuống, trên sông Tương cũng như hai bên bờ chim âu bay lượn khắp nơi. Đặc biệt trên Âu-giang, giống chim này càng nhiều vô kể. Từ Âu-giang, tôi trở lại sông Tương, xuôi tới Trường-sa, thủ phủ của Hồ-Nam, rồi tới các quận lỵ Tương-đàm, Chu-châu, Hành-đương, Quế-đương. Không khó nhọc tôi tìm ra cánh đông Tương, tức là vùng trũng phía Tây-ngạn, giới hạn phía Bắc là hồ Động-đình, Nguyên-giang. Phía Nam là Linh-lăng, Hành-Nam. Phía Tây là vùng Triều Dương, Lãnh thủy. Nhưng nay cánh đông Tương chỉ còn khu vực tứ giác: Tương-giang, Nguyên-giang, Liên-thủy và Thạch-khê-thủy. Sau khi tìm ra cánh đông Tương, Thiên-đài, cùng những đàn chim âu, tôi giải đoán như thế này:

"Quốc-tổ Lạc-Long kết hôn với công chúa con Đế-Lai, hẳn công chúa cũng có tên. Nhưng vì lâu ngày, người ta không nhớ được tên ngài, nên đã lấy con chim Âu, rất hiền hòa, xinh đẹp ở vùng hồ Động-đình, Tương-giang, mà gọi tên là Âu-Cơ (Cơ là bà vợ vua). Vì người ta gọi Quốc-mẫu là Âu Cơ thì họ nghĩ ngay đến Quốc-mẫu sinh con. Quốc-mẫu là chim Âu, thì phải đẻ ra trứng. Còn con số một trăm, là con số triết học Việt-Hoa dùng để chỉ tất cả. Như trăm bệnh là tất cả các bệnh, trăm họ là toàn dân. Trăm con, có nghĩa là tất cả dân trong nước đều là con của Quốc-mẫu."

**Kết luận:** Đã có cánh đông Tương, thì truyện Quốc-tổ, Quốc-mẫu hẹn mỗi năm hội tại đây một lần là có. Khi sự kiện có núi Ngũ-lĩnh, có Thiên-đài, nay chứng cứ cánh đông Tương được kiểm điểm, thì lĩnh địa của tộc Việt xưa quả tới hồ Động đình.

### **4. Hồ Động Đình và Núi Tam Sơn:**

Hồ Động-đình nằm ở phía Nam sông Trường-giang. Hồ được coi như nơi phát tích ra tộc Việt. Địa khu Bắc sông Trường-giang được gọi là tỉnh Hồ Bắc, tức đất Kinh-châu thuở xưa. Địa khu phía Nam sông Trường-giang được gọi là tỉnh Hồ-Nam. Hồ Động-đình nằm trong tỉnh Hồ-Nam. Hồ thông với sông Trường-giang bằng hai con sông. Cho nên người ta coi hồ như nơi chứa nước sông Trường-giang, rồi đổ vào cho Tương-giang. Trên Bắc-ngạn hồ có núi Tam-sơn. Tôi đã lên đây ba lần. Tương truyền các bà Trưng-Nhị, Trần-Năng, Hồ-Đề, Phật-Nguyệt đánh chiếm Trường-sa vào ngày đầu năm, vì vậy tôi cũng tới đây vào dịp này để thấy rõ phong cảnh để còn tả trận đánh trong bộ Cấm-khê di-hận (6). Hồ rộng 3915 cây số vuông, độ sâu về mùa cạn là 38.5 mét, về mùa nước lớn là 39.20 mét. Tra trong chính sử, thì quả hồ Động-đình thuộc lĩnh địa Văn-lang. Như trên đã nói, triều đại Thần-Nông Bắc đến đời vua Du-Võng thì mất vào năm 2696 trước Tây-lịch, chuyển sang thời đại Hoàng Đế. Sử gia Trung-quốc cho rằng Hoàng-Đế là tổ lập quốc. Nói theo triết học Tây-phương, thì vua Du-Võng từ gốc Thần-Nông thuộc nông nghiệp cư trú trong vùng đồng bằng, ở phương Nam, lấy hỏa làm biểu hiệu nên còn gọi là Viêm-Đế. Còn vua Hoàng-Đế gốc ở dân du mục, săn bắn, từ phương Bắc xuống. Dân du mục nghèo, nhưng giỏi chinh chiến. Dân nông nghiệp giàu nhưng không giỏi võ bị nên bị thua.

Bộ Sử-ký của Tư-mã-Thiên, quyển 1, Ngũ đế bản ký chép rằng:

*...Thời vua Hoàng Đế, họ Thần-Nông (Bắc) đã suy, chư hầu chém giết lẫn nhau, khiến trăm họ khốn khổ vô cùng. Vua Du-Võng không đủ khả năng chinh phục. Vua Hiên-Viên Hoàng Đế thao luyện can qua, chinh phục những chư hầu hung ác. Vì vậy các nơi theo về rất đông. Trong các chư hầu, thì Suy-Vưu mạnh nhất.*

*Vua Du-Võng triều Thần-Nông định đem quân xâm lăng chư hầu, nhưng chư hầu chỉ tuân lệnh Hoàng Đế. Vua Hoàng Đế tu sửa đức độ, luyện tập binh mã, vỗ về trăm họ, giúp đỡ bốn phương, luyện tập thú dữ rồi đại chiến với vua Du-Võng ở Bản-tuyền, thành công.*

*Suy-Vưu làm loạn, không tuân đế hiệu. Hoàng Đế triệu tập chư hầu, cùng Suy-Vưu đại chiến ở Trác-lộc, bắt sống Suy-Vưu. Chư hầu tôn ngài làm Thiên-tử thay họ Thần-Nông. Trong thiên hạ nơi nào không thuận, vua Hoàng Đế đem quân chinh phạt.*

*Lãnh thổ của Hoàng Đế: Đông tới biển, vùng núi Hoàn-sơn, Đại-tông; phía Tây tới núi Không-động, Kê-đâu; Nam tới Giang, Hùng, Tương... (7)*

Sông Giang đây tức là sông Trường-giang. Hùng đây là Hùng-nhĩ-sơn, Tương là Tương-sơn. Bùi-Nhân đời Tống tập giải Sử-ký nói rằng Tương-sơn thuộc Trường-sa. Kết luận: Từ chính sử, huyền sử đều cho biết lãnh địa Văn-lang tới hồ Động-đình. Khi vua Hoàng Đế dứt triều Thần-Nông Bắc, thì triều Thần-Nông Nam tức họ Hồng-bàng còn kéo dài tới 2439 năm nữa. Lãnh thổ Trung-quốc thời Hoàng Đế cũng chỉ tới sông Trường-giang. Từ Nam bao gồm khu Trường-sa hồ Động đình vẫn thuộc Văn-lang.

Khi chính sử ghi chép như vậy, thì việc Quốc-tổ, Quốc-mẫu với hồ Động-đình, núi Tam-sơn, không còn là huyền thoại nữa, mà thành sự thực lịch sử. Vậy truyện các ngài lên núi hưởng thanh phúc nên ghi vào chính sử.

#### 5. Biên Giới Lãnh Địa Tộc Việt Thế Kỷ Thứ Hai Trước Tây Lịch:

Sử Hán- Việt đề đều ghi rằng vào thế kỷ thứ nhì trước Tây-lịch, thời Triệu-Đà cai trị lãnh địa tộc Việt, biên giới vẫn còn ở vùng Trường-sa, hồ Động-đình.

Sử Hán, sử Việt đều chép chi tiết giống nhau về vụ Triệu-Đà lập quốc ở lãnh thổ Lĩnh-Nam. Tân-thủy-Hoàng sai Đồ-Thư mang quân sang đánh Âu-Lạc, chiếm được vùng đất phía Bắc, lập làm ba quận: Nam-hải (Quảng Đông và một phần Phước-kiến), Quế-lâm (Quảng-tây, Hồ-Nam và một phần Quý-châu), Tượng-quận (Vân-Nam và một phần Quý-châu). Vua An-Dương Vương sai Trung-tín hầu Vũ-Bảo-Trung và Cao-cảnh hầu Cao-Nỗ đem quân chống, giết được Đồ-Thư, tiêu diệt nửa triệu quân Tân. Tuy vậy vua An-Dương Vương cũng không chiếm lại vùng đất đã mất.

Sau nhân thời thế loạn lạc, một viên quan Tân là Triệu-Đà trấn vùng Nam-hải, đem quân chiếm vùng Tượng-quận, Quế-lâm, rồi dùng gián điệp trong vụ án Mỵ-Châu, Trọng-Thủy mà chiếm được Âu-lạc, lập ra nước Nam-Việt. Lãnh thổ nước Nam-Việt gồm những vùng nào? Không một sử gia chép rõ ràng. Nhưng cứ những sự kiện lẻ tẻ, ta cũng có thể biết rằng lãnh địa Nam-Việt là lãnh địa thời Văn-lang.

Trong khi Triệu-Đà lập nghiệp ở phương Nam, thì cuộc nội chiến ở phương Bắc chấm dứt: Hạng-Vũ, Lưu-Bang diệt Tần, rồi Lưu-bang thắng Hạng-Vũ lập ra nhà Hán. Lưu-Bang lên ngôi vua, sai Lục-Giả sang phong chức tước cho Triệu-Đà. Đúng ra Triệu-Đà cũng không chịu thần phục nhà Hán, nhưng họ hàng, thân thuộc, mồ mả của Đà đều ở vùng Chân-Định. Đà sợ nhà Hán tru diệt họ hàng, cùng đào mồ cuốc mả tổ tiên mà phải lui bước.

Năm 183 trước Tây-lịch, Cao-tổ nhà Hán là Lưu-Bang chết, Lã-hậu chuyên quyền, cầm bán hạt giống, thú vật cái, kim khí sang Nam-Việt. Triệu-Đà không thần phục nhà Hán, xưng đế hiệu, rồi đem quân đánh Trường-sa, Nam-quận.

Trường-sa là quận biên cương của Hán, vậy ít nhất lãnh thổ Nam-Việt, Bắc tới Trường-sa. Nam-quận là quận ở phía Bắc sông Trường-giang. Mà Nam-quận là quận biên cương Hán, thì biên giới Nam-Việt ít nhất tới Nam ngạn sông Trường-giang.

#### 6. Lãnh Địa Về Thời Vua Trưng:

Trong những năm 1978-1979 khi dẫn phái đoàn y khoa nghiên cứu tại các tỉnh cực nam Trung-quốc như Quảng Đông, Quảng-Tây, Vân-Nam, Quý-Châu, tôi tìm ra

khắp các tỉnh này, không ít thì nhiều đều có đạo thờ vua Bà. Nhưng tôi không tìm được tiểu sử vua Bà ra sao. Ngay những cán bộ Trung-quốc ở địa phương, họ luôn đề cao vua Bà, mà họ cũng chỉ biết lơ mờ rằng vua Bà là người nổi lên chống tham quan. Khắp bốn tỉnh, tôi ghi chú được hơn trăm đền, miếu thờ những tướng lĩnh thời vua Bà.

Bây giờ tôi lại tìm thấy ở Hồ-Nam nhiều di tích về đạo thờ vua Bà hơn. Tại thư viện bảo tồn di tích cổ, tôi tìm thấy một cuốn phổ rất cổ, soạn vào thế kỷ thứ tám chép sự tích nữ vương Phật-Nguyệt như sau:

"Ngày xưa, Ngọc-Hoàng thượng đế ngự trên điện Linh-tiên, có hai công chúa đứng hầu. Vì sơ ý, hai công chúa đánh vỡ chén ngọc. Ngọc-Hoàng thượng đế nổi giận lôi đình, truyền đày hai công chúa xuống hạ giới. Hai công chúa đi đâu thai được mấy ngày, thì tiên-lại giữ sổ tiên giới tâu rằng có 162 tiên đầu thai xuống theo hai công chúa. Ngọc-Hoàng thượng đế sợ công chúa làm loạn ở hạ giới, ngài mới truyền Thanh-Y đồng tử đày thai theo để dẹp loạn. Thanh-Y đồng tử sợ địch không lại hai công chúa, có ý ngăn ngừa không dám đi. Ngọc-Hoàng thượng đế truyền Nhị-thập bát tú đầu thai theo.

Thanh-Y đồng tử đầu thai, sau là vua Quang-Vũ nhà Hán, Nhị-thập bát tú đầu thai thành hai mươi tám vị văn thần võ tướng thời Đông-Hán.

Còn hai công chúa đầu thai xuống quận Giao-Chỉ, vào nhà họ Trưng. Chị là Trưng-Trắc, em là Trưng-Nhị. Lúc Trưng-Trắc sinh ra có hương thơm đầy nhà, lớn lên thông minh quán chúng, có sức khỏe bạt sơn cử đỉnh; được gả cho Đặng-thi-Sách. Thi-Sách làm phản, bị thái thú Tô-Định giết chết. Trưng-Trắc cùng em là Trưng-Nhị phất cờ khởi nghĩa, được 162 anh hùng các nơi nổi lên giúp sức, nên chỉ trong một tháng chiếm hết sáu quận Trung-quốc ở phía nam sông Trường-giang: Cửu-Chân, Nhật-Nam, Giao-Chỉ, Quế-Lâm, Tượng-quận, Nam-Hải. Chư tướng tôn Trưng-Trắc lên làm vua, thường gọi là vua Bà.

Vua Quang-Vũ nhà Đông-Hán sai Phục-Ba tướng quân Tân-tức hầu, Long-nhượng tướng quân Thận-hầu Lưu-Long đem quân dẹp giặc. Vua Bà sai nữ vương Phật-Nguyệt tổng trấn hồ Động đình. Mã-Viện, Lưu-Long bị bại. Vua Quang-Vũ truyền Nhị-thập bát tú nghênh chiến, cũng bị bại. Nữ vương Phật-Nguyệt phép tắc vô cùng, một tay nhổ núi Nga-mi, một tay nhổ núi Thái-sơn, đánh quân Hán chết xác lấp sông Trường-giang, hồ Động-đình, oán khí bốc lên đến trời.

Ngọc-Hoàng thượng đế sai thiên binh, thiên tướng trợ chiến, cũng bị bại. Ngài phải sai thần Du-Liệt sang Tây-phương cầu cứu Phật Như-Lai. Đức Phật sai mười tám vị Kim-Cương, ba nghìn La-Hán trợ chiến cũng bị bại. Cuối cùng ngài truyền Quan-Thế-Âm bồ tát tham chiến. Nữ vương Phật-Nguyệt với Quan-Thế-Âm đấu phép ba ngày ba đêm, bất phân thắng bại. Sau Quan-Thế-Âm thuyết pháp, nữ vương Phật-Nguyệt giác ngộ, bỏ đi tu."

Ta nhân ngày lành, viết lại chuyện xưa, xin dâng đôi câu đối:

*Tích trụ Động đình uy trấn Hán,  
Danh lưu thanh sử lực phù Trưng.*

*(Nghĩa là: Một trận Động-đình uy rung Hán tên còn trong sử sách phù Trưng)*

Như thế, tôi đã tìm ra được: Đạo thờ vua Bà tại năm tỉnh Nam Trung-quốc là di tích của lòng tôn kính thờ anh hùng dân tộc của tộc Việt trên lãnh thổ cũ của người Việt còn sót lại. Vua Bà, mà người Trung-hoa thờ như một thứ tôn giáo, chính là vua Trưng.

Kết luận: Quả có nữ vương Phật-Nguyệt đánh trận Trường-sa hồ Động đình. Mà có trận hồ Động-đình thì lãnh thổ thời Lĩnh-Nam quả tới phía Nam sông Trường-giang. Huyền sử nói rằng: Khi bà Trưng-Nhị cùng các tướng Trần-Năng, Hồ-Đề, Phật-Nguyệt, Lại-thế-Cường đánh Trường-sa vào đầu năm Kỷ-Hợi (39 sau Tây-lịch), thì nữ tướng Trần-thiếu-Lan tử trận, được mai táng ở ghềnh sông Thẩm-giang (8). Thẩm-giang chính là đoạn sông ngăn ở Bắc tiếp nối với hồ Động-đình. Một cuốn phổ khác, chép vào thời Nguyễn nói rằng: Các sứ thần Lý, Trần, Lê khi qua đây đều có sầm lễ đến cúng miếu thờ bà Trần-thiếu-Lan. Cho nên năm 1980, tôi đã đến đây tìm hiểu. Không khó nhọc, tôi tìm ra trong cuốn địa phương chí, do sở du lịch Trường-sa cung cấp, một đoạn chép

*"Miếu thờ liệt nữ Trần-thiếu-Lan ở đầu sông Tương. Hồi cách mạng văn hóa bị phá hủy. Tượng đồng bị nấu ra. Vệ binh đỏ phá luôn cả bia đá".* Tôi tìm tới nơi thì miếu chỉ còn lại cái nền bằng đá ông, mộ vẫn còn. (9)

## 7.Nghiên Cứu Những Khai Vật:

Vào những năm 1964-1965, giáo sư thạc sĩ luật khoa Vũ-văn-Mẫu đang soạn thảo tài liệu về cổ luật Việt Nam. Người giúp giáo sư Mẫu đọc sách cổ là Hoàng-triều tiến sĩ Nguyễn-sỹ-Giác. Cụ Giác tuy thông kinh điển, thư tịch cổ nhưng lại không biết ngoại ngữ, cùng với phương pháp phân tích, tổng hợp Tây-phương. Cụ giới thiệu tôi với giáo sư Mẫu. Tôi với cụ đã giúp giáo sư Mẫu đọc, soạn các thư tịch liên quan đến cổ luật. Chính vì vậy tập tài liệu "Cổ-luật Việt-Nam và tư -pháp-sử" có chương mở đầu "Liên hệ giữa nguồn gốc dân tộc và Cổ-luật Việt-Nam"(10). Bấy giờ tôi còn trẻ, lại không có đủ tài liệu khai quật của Trung-quốc, của Bắc Việt-Nam, nên có nhiều chi tiết sai lầm nhỏ. Hôm nay đây, tôi xin lỗi anh linh Hoàng-triều tiến sĩ Nguyễn-sỹ-Giác, anh linh giáo sư Vũ-văn-Mẫu, xin lỗi các vị đồng nghiệp hiện diện, xin lỗi các vị sinh viên về những sai lầm đó.

Triều đại Hồng-Bàng của tộc Việt xuất phát từ năm 2879 trước Tây-lịch, tương đương với thời đại đồ đá mài (le néolithique), tức cuối thời đại văn hóa Bắc-sơn (11). Trong những khai quật về thời đại này tại Bắc Việt, Đông Vân-Nam, Quảng Đông, Hồ-Nam, người ta đều tìm được những chiếc rìu thiết diện hình trái xoan, trong khi tại Nhật, Bắc Trường-giang lại chỉ tìm được loại rìu thiết diện hình chữ nhật, chứng tỏ vào thời đó, có một thứ văn hóa tộc Việt giống nhau.

Sang thời đại văn hóa Đông-sơn (12) hay đồ đồng (age du bronze): Trong thời gian này đã tìm được trống đồng Đông-sơn bên bờ sông Mã (Thanh-Hóa) Sự thực trống đồng đã tìm thấy ở toàn bộ các tỉnh Nam Trường-giang như Hồ-Nam, Quý-Châu, Vân-Nam, Quảng-Đông, Quảng-Tây; Nam-Đương, Lào (13), Bắc và Trung-Việt. Nhưng ở Nam-Đương, Lào rất ít. Nhiều nhất ở Bắc Việt rồi tới Vân-Nam, Lưỡng-quảng. Phân tích thành phần, gần như giống nhau: Đồng 55%, thiếc 15-16%, chì 17-19%, sắt 4%. Một ít vàng, bạc.

Khảo về y phục, mồ mả, cùng xương trong các ngôi mộ, qua các thời đại, cho đến hết thế kỷ thứ 1 sau Tây-lịch, tôi thấy trong các vùng Nam Trường-giang cho đến Trung, Bắc-Việt, cùng Lào, Thái đều giống nhau. Tôi đi đến kết luận: Tộc Việt quả có lãnh địa Bắc tới hồ Động đình, Tây tới Tứ-xuyên như cổ sử nói.

## E. Tổng Kết

Các bạn đã cùng tôi đi vào những chi tiết từ huyền thoại, huyền sử, cổ sử, cùng triết học, suy luận để tìm về nguồn gốc dân tộc Việt-Nam. Trong chính sử Việt đều ghi rõ ràng về nguồn gốc tộc Việt. Hồi thơ ấu, tôi sống bên cạnh những nhà nho, chỉ đọc sách chữ Hán của người Hoa, người Việt viết. Mà những sách này đều chép rằng tộc Việt gồm có trăm họ khác nhau, mang tên Bách-Việt. Những tên như Âu-Việt, Lạc-Việt, Đông-Việt, Nam-Việt, Việt-Thường đều thuộc Bách-Việt cả. Cái tên trăm họ, hay trăm Việt (Bách-Việt) phát xuất từ huyền thoại nói vua Lạc Long sinh ra trăm con. Trăm có nghĩa là toàn thể, tất cả, chứ không hoàn toàn là con số như ta tưởng ngày nay (14). Các vị cổ học học số sử, rồi coi lãnh địa tộc Việt bao gồm phía Nam sông Trường-giang, lấy mốc là hồ Động-đình, với sông Tương, núi Ngũ-lĩnh là đương nhiên. Chính hồi nhỏ, khi học tại trường Pháp, vào thời kỳ 10-14 tuổi, tôi chỉ được học những bài ngắn ngủi và trang về nguồn gốc tộc Việt; trong khi đó gia đình cho tôi đọc những bộ sử dài hàng mấy chục nghìn trang của Hoa, của Việt. (Nếu dịch sang chữ Việt số trang gấp bốn, sang Pháp, Anh văn, số trang gấp 5-6). Chính tôi cũng nhìn nguồn gốc tộc Việt, lãnh thổ tộc Việt tương tự như các nhà cổ học.

Phải chờ đến khi tôi ra trường (1964). Bấy giờ giáo sư Vũ-văn-Mẫu thạc sĩ luật khoa nhờ Hoàng-triều tiến sĩ Nguyễn-sỹ-Giác sưu tầm tài liệu cổ luật. Cụ Giác học lỗi cổ, không biết những phương pháp qui nạp, tổng hợp, nên giới thiệu giáo sư Mẫu với tôi. Ngay lần đầu gặp nhau, một già, một trẻ mà có hai cái nhìn khác biệt. Giáo sư Mẫu trên 50 tuổi lại có cái nhìn rất trẻ. Tôi mới 25 tuổi lại có cái nhìn rất già về nguồn gốc tộc Việt. Qua cuộc trao đổi sơ khởi, bấy giờ tôi mới biết có rất nhiều thuyết nói về nguồn gốc dân tộc Việt, mà các tác giả thiếu cái học sâu xa về cổ học Hoa-Việt đưa ra. Vì vậy tôi đã sưu tầm tất cả những gì trong thư tịch cổ, giúp giáo sư Vũ-văn-Mẫu đem viết thành tài liệu giảng dạy. Nhưng sự sưu tầm đó không đầy đủ, vì chỉ căn cứ trên thư tịch cổ. Nay tôi mới biết là có một vài sai lầm, tôi xin lỗi các đồng nghiệp hiện diện.

Nhưng bây giờ tôi sống ở Sài-gòn, thuộc Việt-Nam Cộng-Hòa đang là nước chống

Cộng, nên tôi không thể sang Trung-quốc tìm kiếm thêm tài liệu. Phải chờ đến năm 1976, với tính cách làm trưởng phái đoàn Pháp, hằng năm dẫn các đồng nghiệp sang Trung-quốc nghiên cứu, trao đổi y học, tôi mới có dịp tìm kiếm lại di tích xưa trong thư viện, trong bảo tàng viện, trên bia đá, cùng miếu mạo, đền chùa và nhất là đến tại chỗ nghiên cứu. Hôm nay đây, tôi xin kết luận với các bạn rằng:

- Từ cổ: Tộc Việt sống rải rác từ phía Nam sông Trường-giang, xuống mãi vịnh Thái-lan.

- Sau này tộc Việt, tộc Mã đã giao tiếp với nhau ở vùng Kampuchea, Nam Việt- Nam Tộc Việt hỗn hợp với tộc Ấn ở phía tây Thái-lan.- Giồng Thái, một trong Bách-Việt chính là tộc Thái từ Tượng-quận, Bắc-Việt di chuyển xuống lập ra nước Lào, nước Thái.

- Người Việt từ sông Trường-giang, từ Phúc-kien di cư xuống Bắc-Việt, không có nghĩa ở Bắc-Việt không có giống Việt, phải đợi họ di cư xuống mới có. Mà có nghĩa là người Việt di chuyển trong đất Việt.

### 1. Chú Thích:

(1) Bài diễn văn đọc trong dịp khai giảng niên khóa 1992-1993 tại viện Pháp-Á (Institut Franco-Asiatique). Nguyên văn bằng tiếng Pháp, đây là bản dịch Việt ngữ. Chính công trình nghiên cứu của tác giả đã kết thúc cuộc tranh luận 90 năm qua về Nguồn Gốc Dân Tộc Việt Nam.

(2) Sau này được tôn thụy-hiệu là Lục Đương.

(3) Như vậy vua Lạc-Long lấy con gái của anh con bác.

(4) Độc giả có thể tìm đọc tài liệu nghiên cứu này trong phần bạt quyển 1, "Anh hùng Lĩnh-Nam" do Nam-Á Paris xuất bản 1987 mang tên "Bản phụ chú nghiên cứu về nỏ thần".

(5) Phương pháp và máy móc mà các giáo sư Tarentino, Vareilla Pascale với tôi dùng để biện biệt những bộ xương khai quật cổ mộ vùng Hồ-Nam, Vân-Nam, Quảng Đông, Quý-Châu không khác các chuyên viên trong ủy ban tìm kiếm tử sĩ Hoa-Kỳ tại Việt-Nam đã sử dụng, có điều các chuyên viên Hoa-Kỳ gặp nhiều khó khăn hơn, vì phải đi vào chi tiết từng cá nhân, còn chúng tôi chỉ phân chủng loại.

(6) Xin xem "Cấm Khê di hận", cùng tác giả do Nam-Á Paris xuất bản 1992, để biết hai trận hồ Động- đình, một trận do Chu-tái-Kênh, Đình-xuân-Hoa, Phật-Nguyệt, Đình-bạch-Nương, Đình-tĩnh-Nương, Quách-Lãng đánh với Lưu-Long, Mã-Viện. Một trận do Hoàng-thiên-Hoa cùng với các tướng trên đánh với mười hai đại tướng quân Hán.

(7) Tư-mã-Thiên, "Sử ký", quyển 1, Ngũ-đế bản kỷ, Trung-hoa thư cục xuất bản 1959, trang 3-6.

(8) Độc giả muốn biết chi tiết trận đánh lịch sử này, xin đọc "Động-đình hồ ngoại sử", cùng tác giả, do Nam-Á Paris xuất bản (1990).

(9) Xin đọc tài liệu "Mùa xuân trên hồ Động-đình tưởng nhớ Trưng-vương" trong phần bạt "Anh hùng Lĩnh-Nam" (quyển 2), cùng tác giả, do Nam-Á xuất bản 1987.

(10) Vũ-văn-Mẫu: "Cổ luật Việt-Nam và tư pháp sử", quyển thứ nhất, tập thứ nhất, tác giả xuất bản 1973, trang 9-51.

(11) Chữ văn hóa Bắc-sơn ở đây chỉ có ý nghĩa rằng cuộc khai quật ở núi Bắc-sơn (Lạng-sơn), đã tìm thấy cổ vật thời đồ đá.

(12) Chữ văn hóa Đông-sơn ở đây để chỉ cuộc khai quật ở Đông-sơn (Thanh-Hóa) đã tìm thấy đồ đồng thời đồ đồng.

(13) Hè năm 1992 sau khi cùng phái đoàn Pháp du khảo về cây Phàn-phì (trị cholestérol) ở Vân-Nam, thời gian còn lại, tôi đi khảo cứu xương người, cùng các khai quật ở Vân-Nam (Trung-quốc), các tỉnh Bắc-Thái như Nùng-Khai, Sakhon-Nakhon, Sakhon-Thanom, U-Bon, UDon Tha-Ni. Tôi đã tìm lại được hai trống đồng thời vua Trưng, một tại Miến Điện, một ở Vân-Nam, để trong bảo tàng viện địa phương. Tôi mất rất nhiều tiền, cùng trăm nghìn khó khăn mới mua được và đưa lợt về Paris. Tôi đã tìm ra nguồn gốc hai trống đồng Vân-Nam cùng Miến-Điện như sau: Hôi Trương-Phụ, Mộc-Thạch đánh nhà Hồ, họ cướp về một số trống đồng. Mộc-Thạch cất ở Mộc-vương-phủ Vân-Nam. Năm 1659 Vĩnh-Lịch hoàng đế được Mộc -vương Mộc-vương cuối phò lên làm vua ở Vân-Nam, bị Ngô-tam-Quế dẫn quân đánh phải chạy vào Miến-Điện. Năm 1661 người Miến-Điện bắt hoàng đế Vĩnh-Lịch nộp cho Ngô-tam-Quế. Ngô-tam-Quế chia một số báu vật tại Mộc-vương-phủ cho Miến-Điện, trong đó có mấy trống đồng họ Mộc cướp từ Việt-Nam về. Vì vậy tôi

không kể đến trống đồng Miến-Điện, vì đó là trống đồng Việt-Nam.

(14) Chữ "trăm" trong ngôn ngữ Việt có rất nhiều nghĩa.

- Có nghĩa là đời người như:

*Trăm năm trong cõi người ta.*

*Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.*

(Đoạn Trường tân thanh)

*Trăm năm xe sợi chỉ hồng,*

*Bắt người tài sắc buộc trong khung trời.*

*Trăm năm, trăm tuổi trăm chồng,*

*Hề ai có bạc thì bồng trên tay."*

(Ca dao)

- Có nghĩa là chết:

*Khi nào cụ tôi trăm năm đi rồi.*

Nhân sinh bách tuế vi kỳ

(Người ta sinh ra, lấy trăm năm làm hạn)

*Trăm năm như cõi trời chung,*

Có nghề cũng phải có công mới thành.

(Ca dao)

- Có nghĩa là tất cả:

Trăm họ, hay trăm bệnh.

*Trăm hoa đua nở mùa xuân,*

*Có sao cúc lại muện tuần thế kia? (Ca dao)*

Trăm dâu đổ đầu tằm."

(Tục ngữ)

Trăm con trong huyền sử Việt hay Bách-Việt có nghĩa này.

## 2. Tài Liệu Nghiên Cứu:

### a. Sách Chữ Hán:

Tư-mã-Thiên: "Sử-ký", Trung-hoa thư cục Thượng Hải xuất bản 1959.

Ban-Cổ: "Tiền-Hán thư", Trung-hoa thư cục Thượng Hải xuất bản 1959.

Phạm-Việt: "Hậu-Hán thư", Trung-hoa thư cục Thượng Hải xuất bản 1959.

Cổ-đã-Vương: "Địa dư chí", Cẩm-chương thư cục Thượng Hải 1920.

Trần-luân-Quỳnh: "Hải quốc kiến văn lục", cổ bản, thư viện Paris.

Lê-quý-Đôn: "Phủ biên tạp lục", cổ bản của thư viện Paris.

Lê-quý-Đôn: "Đại Việt thông sử", cổ bản của thư viện Paris.

Phan-huy-Ích: "Lịch-triều hiến chương loại chí", cổ bản của thư viện Paris.

Quốc-sử-Quán: "Hoàng-Việt địa dư chí", bản của thư viện Paris.

Quốc-sử-Quán: "Khâm định Việt sử thông giám cương mục", bản của thư viện Paris.

### b. Sách Chữ Pháp:

Léonard Arousseau: "La première conquête chinoise des pays annamites", BEFEO

XXIII. Claude Madrolle: "Le Tonkin Ancien", BEFEO, XXXVII.

### c. Sách Chữ Việt:

Đào-duy-Anh: "Nguồn gốc dân tộc Việt-Nam", Hà Nội 1946.

### d. Sách Hoa Văn:

Địa đồ xuất bản xã: "Trung-hoa nhân dân cộng hòa quốc phân tỉnh địa đồ tập", Bắc

Kinh 1974. Đại học văn khoa Hồ-Nam: "Hồ-Nam lịch đại khảo chứng", 1980. Cùng

rất nhiều tài liệu không tác giả, lưu trữ tại thư viện, bảo tàng viện Hồ-Nam, Văn-

Nam, Quý-Châu, Quảng Đông, Quảng-Tây.

## 3. Về Tác Giả:

**Bác Sĩ Trần Đại Sĩ hiện là giám đốc nghiên cứu kiêm giáo sư Cơ Quan Nghiên Cứu Tổng Hợp Y Học Âu-Á, cơ quan có nhiệm vụ trao đổi y học Pháp-Hoa. Ngoài ra, do những công trình nghiên cứu, ông còn được mời làm giáo sư diễn giảng (Professeur chargé des cours) về khoa lịch sử và triết học Á-châu tại viện Pháp-Á. Ông đã trước tác 20 tác phẩm tổng hợp y học bằng Pháp văn do ARMA Paris xuất bản, và rất nhiều sách bằng Hoa văn, Việt văn. Trong những tác phẩm của ông, độc đáo nhất là các bộ lịch sử trường thiên tiểu thuyết.:**

**a. Viết về cuộc khởi nghĩa của vua Trưng: "*Anh hùng Lĩnh-Nam*" (4 quyển 1318 trang), "*Động-đình hồ ngoại sử*" (3 quyển, 886 trang), "*Cấm-Kê di hận*" (4 quyển, 1305 trang). Tất cả đều do Nam-Á Paris xuất bản.**

**b. Viết về cuộc "đánh Tống, bình Chiêm" thời Lý: "*Anh hùng Tiêu-sơn*" (3 quyển, 907 trang), "*Thuận-Thiên di sử*" (3 quyển, 909 trang), "*Anh hùng Bắc cương*" (3 quyển, 1260 trang). Tất cả đều do viện Pháp-Á xuất bản, Xuân Thu Hoa-Kỳ ấn loát và phát hành. Sắp xuất bản: "*Anh linh thần võ tộc Việt*" (4 quyển, 1305 trang), "*Nam-quốc sơn hà*" (4 quyển, 1320 trang).**